

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 27-9-2018;
V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tư

2. Ông Đỗ Thành Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2018/TLST-HNGĐ ngày 01-6-2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Hồng B**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2005, đến ngày 14-02-2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó chị mới biết tính của anh B là ham mê cờ bạc, ham chơi, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh B không thay đổi mà vợ chồng còn mâu thuẫn thêm. Hai vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng nhất khoảng từ năm 2016, anh B thường xuyên gây gổ, vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Từ tháng 9-2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung, chị về Nha Trang cùng với gia đình cha mẹ ruột của chị. Trong khoảng thời gian vợ chồng không sống chung, chị vẫn thường về Tây Ninh để thăm con, chị muốn cho anh B thời gian để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên,

từ ngày chị về Nha Trang sống, anh B không những không muốn vợ chồng hàn gắn mà còn nhiều lần nhắn tin đe dọa, xúc phạm chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Phi H, sinh ngày 21-10-2006 và cháu Nguyễn Phạm Phương N, sinh ngày 03-10-2013, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung nhưng nếu anh B cũng muốn nuôi hai con chung thì chị giao hai con chung cho anh B nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống chung trước đây anh có đánh bạc, anh cũng có đôi lần xúc phạm vợ nhưng cho rằng vì nóng giận, tuy nhiên anh thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là không lớn. Vợ anh về Nha Trang buôn bán với gia đình vợ từ tháng 9-2017 nhưng chị vẫn thường xuyên về thăm anh và con. Nay chị B yêu cầu ly hôn anh không đồng ý do anh vẫn còn thương vợ con, muốn hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị B, nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh B. Về con chung do anh chị thỏa thuận giao con chung cho anh B nuôi dưỡng và chị B không cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung do chị B và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không giải quyết, chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng B và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, anh B cũng thừa nhận là trước đây có đánh bạc, có dùng lời lẽ đe dọa, xúc phạm chị B. Anh B cho rằng

vợ chồng anh chị mâu thuẫn không lớn, muốn được hàn gắn tình cảm nhưng trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung anh B không có giải pháp để vợ chồng hàn gắn, tạo niềm tin đối với chị B. Còn về phía chị B kiên quyết muốn ly hôn vì cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh B là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị B và anh B có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Phi H, sinh ngày 21-10-2006 và cháu Nguyễn Phạm Phương N, sinh ngày 03-10-2013. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu H có nguyện vọng sống chung với mẹ tuy nhiên tại phiên tòa chị B, anh B thỏa thuận thống nhất giao hai con chung cho anh B nuôi dưỡng và chị B không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị B và anh B trình bày anh chị là lao động tự do có mức thu nhập trung bình hàng tháng ngang nhau. Như vậy, xét thấy điều kiện nuôi hai con chung của anh chị là ngang nhau nên cần ghi nhận thỏa thuận của anh chị về việc giao cháu H và cháu N cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, chị B không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh B trình bày không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Hồng B đối với anh Nguyễn Văn B. Chị Phạm Thị Hồng B được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Phi H, sinh ngày 21-10-2006 và cháu Nguyễn Phạm Phương N, sinh ngày 03-10-2013 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Hồng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Hồng B phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012007 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận chị B đã thi hành xong phần án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly